

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẠC: Đại học

KHOA : Địa lý

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2019

NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Địa lý (4 năm)

(ban hành kèm theo Quyết định ~~82/2019~~ ngày 31/07/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHN)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	212 3 1902	Triết học Mác –Lênin	3	3	0		
2	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác –Lênin	2	2	0		
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		
4	212 2 1094	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0		
5	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0		
8	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
9	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		
10	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		
11	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		
12	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	15	14	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH					
13	311 2 1765	Thống kê thực hành	2	1	1		
14	319 2 1337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0		
15	320 4 1719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0		
16	319 3 1167	Địa chất học	3	2	1		
17	319 2 1092	Cơ sở viễn thám	2	2	0		
18	319 3 1954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0		
19	319 3 1290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2		
20	319 2 1185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0		
21	319 2 1186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0	319 0 1185	
22	319 3 1187	Địa lý tự nhiên đại cương 3	3	3	0	319 0 1186	
23	319 4 1184	Địa lý tự nhiên các lục địa	4	4	0		
24	319 3 1189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	3	3	0		
25	319 3 1190	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khu vực)	3	3	0	319 0 1189	
26	319 3 1177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	3	3	0		
27	319 3 1178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	3	3	0	319 0 1177	
28	319 3 1179	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3	0		
29	319 3 1180	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3	0	319 0 1179	
30	319 3 1182	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1 (khái quát)	3	3	0		
31	319 3 1183	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2 (ngành-vùng)	3	3	0	319 0 1182	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	54	50	4		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ					
32	320 2 1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0		
33	319 3 1022	Bản đồ học đại cương	3	3	0		
34	319 2 1976	Vật lý cho Địa lý	2	2	0		
35	319 2 1019	Bản đồ địa hình và đo vẽ địa hình-GPS	2	2	0	319 3 1022	
36	320 3 1255	Giáo dục học	3	3	0		
37	320 2 1820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		
38	320 2 1273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0		
39	319 2 1594	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (Địa lý)	2	2	0		
40	319 3 1436	Lý luận dạy học địa lí	3	3	0		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
41	319 3 1567	Phương pháp dạy học địa lý ở trường phổ thông	3	3	0	319 3 1436	
42	319 3 1568	Phương pháp dạy học Khoa học xã hội (KHXH)	3	3	0		
43	319 3 1532	Phân tích chương trình địa lý (Phát triển CTGD)	3	3	0		
44	319 3 1231	Đánh giá trong dạy học Địa lý	3	3	0		
45	319 3 1791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3	0	3	319 3 1567	
46	319 2 1777	Thực địa địa lý tự nhiên	2	0	2		
47	319 2 1776	Thực địa địa lý kinh tế - xã hội	2	0	2		
48	303 2 1361	Kiến tập sư phạm	2	0	2		
49	303 4 1843	Thực tập sư phạm	4	0	4		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI			46	31	15		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN							
50	319 2 1926	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lý	2	1	1		
51	331 2 1252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
52	320 2 1373	Kỹ năng tham vấn học đường	2	2	0		
53	319 3 1407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam (KHXH)	3	3	0		
54	319 3 1020	Bản đồ giáo khoa	3	2	1		
55	319 3 1169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	3	3	0		
56	319 2 1866	Tiếng Anh chuyên ngành địa lý	2	2	0		
57	319 2 1029	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2	2	0		
58	319 2 1173	Địa lý đô thị	2	2	0		
59	319 2 1171	Địa lý biển Đông	2	2	0		
60	319 2 1174	Địa lý du lịch	2	2	0		
61	319 2 1172	Địa lý địa phương	2	2	0		
62	319 2 1321	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	2	2	0		
63	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI			35	27	8		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			150				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			115				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng

Điều kiện tốt nghiệp:

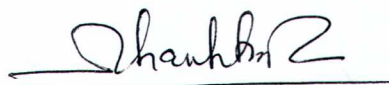
Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tín học

Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

P. TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thanh Tú



PGS.TS. LƯU TRANG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Hệ : Chính quy tập trung

KHÓA 2019

NGÀNH ĐÀO TẠO : Sư phạm Địa lý (4 năm)

(ban hành kèm theo Quyết định 33/60-2019 ngày 21/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHN)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
1	31921185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0	
	31931022	Bản đồ học đại cương	3	3	0	
	32041719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0	
	31931167	Địa chất học	3	2	1	
	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0	
	31921976	Vật lý cho Địa lý	2	2	0	
		Học phần tự chọn				
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	0	(1)	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			17	16	1	
2	21231902	Triết học Mác –Lênin	3	3	0	
	31121765	Thống kê thực hành	2	1	1	
	32031255	Giáo dục học	3	3	0	
	31921337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0	
	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1	
	31921594	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục (Địa lý)	2	2	0	
	31921186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0	
		Học phần tự chọn				
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	0	(1)	
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)			
	33121252	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			18	16	2	
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác –Lênin	2	2	0	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	
	31931290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2	
	31931187	Địa lý tự nhiên đại cương 3	3	3	0	
	31931177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	3	3	0	
	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2	
		Học phần tự chọn:				
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	0	(1)	
	31921866	Tiếng Anh chuyên ngành địa lý	2	2	0	
	31931020	Bản đồ giáo khoa	3	2	1	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			20	15	5	
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
	31931178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	3	3	0	
	31931436	Lý luận dạy học địa lí	3	3	0	
	31941184	Địa lý tự nhiên các lục địa	4	4	0	
	31931189	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khái quát)	3	3	0	
	31921777	Thực địa địa lý tự nhiên	2	0	2	
	31931179	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	3	3	0	
		Học phần tự chọn:				
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	0	(1)	

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
	31921173	Địa lý đô thị	2	2	0	
	31921029	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2	2	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		24	22	2	
5	21221904	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	
	32021641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0	
	31931568	Phương pháp dạy học Khoa học xã hội (KHXH)	3	3	0	
	31931190	Địa lý tự nhiên Việt Nam (khu vực)	3	3	0	
	31931182	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1 (khái quát)	3	3	0	
	31931180	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	3	3	0	
	31921019	Bản đồ địa hình và đo vẽ địa hình-GPS	2	1	1	
	Học phần tự chọn:					
	31921171	Địa lý biển Đông	2	2	0	
	31931169	Địa danh học và địa danh Việt nam	3	3	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		23	22	1	
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
	31931567	Phương pháp dạy học địa lý ở trường phổ thông	3	3	0	
	31931231	Đánh giá trong dạy học Địa lý	3	3	0	
	31931183	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2 (ngành-vùng)	3	3	0	
	31921092	Cơ sở viễn thám	2	2	0	
	31921776	Thực địa địa lý kinh tế - xã hội	2	0	2	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0	
	Học phần tự chọn					
	31921926	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lý	2	1	1	
	31921172	Địa lý địa phương	2	2	0	
	31921174	Địa lý du lịch	2	2	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		23	20	3	
7	30321361	Kiến tập sư phạm	2	0	2	
	31931791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường Sư phạm)	3	0	3	
	31931532	Phân tích chương trình địa lý (Phát triển CTGD)	3	3	0	
	Học phần tự chọn:					
	30361338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	
	31931407	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam (KHXH)	3	3	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		17	6	11	
8	30341843	Thực tập sư phạm	4	0	4	
	31921321	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	2	2	0	
	32021373	Kỹ năng tham vấn học đường	2	2	0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		8	4	4	

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thanh Tú
Nguyễn Thanh Tú



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LƯU TRANG